

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993.

Bị đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1995.

Đều có cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc C-Phó Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N-Chỉ nhánh huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền số 266/NHNo.ĐKR-KH ngày 17/4/2025).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D kết thúc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

- *Về con chung:*

Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D thỏa thuận: Chị Phan Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đan L, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020; anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu Nguyễn Đan L đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung:*

Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D thỏa thuận: Chị Phan Thị D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về chia tài sản chung cho anh Nguyễn Minh T số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ chuyển tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 985124 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 22/4/2020 cho ông Nguyễn Minh T, bà Phan Thị D tại thửa đất số 624, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất tại khóm A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị sang tên cho chị Phan Thị D ngay sau khi Quyết định này có hiệu lực.

- *Về nợ chung:*

Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D thỏa thuận: Chị Phan Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3908-LAV-202100141/HĐTD ngày 28/01/2021, tính đến ngày 28/4/2025 dư nợ gốc 51.777.420 đồng (*Năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi đồng*), tiền lãi 58.889 đồng (*Năm mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng*).

- Hợp đồng tín dụng số 3908-LAV-202200904 ngày 13/6/2022, tính đến ngày 28/4/2025 dư nợ gốc 3.893.275 đồng (*Ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng*), tiền lãi 30.240 đồng (*Ba mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

- Hợp đồng thầu chi số 3908-LAV-202402136 ngày 12/9/2024, tính đến ngày 28/4/2025 dư nợ gốc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

3. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T và chị Phan Thị D thỏa thuận:

- Anh Nguyễn Minh T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 11.322.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung và nợ chung. Tổng số tiền án phí sơ thẩm anh Nguyễn Minh T phải nộp là 11.547.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Minh T đã nộp là 19.050.000 đồng (*Mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/2023/0000085 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền 7.503.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm lẻ ba nghìn đồng*) tiền chênh lệch đã nộp tạm ứng án phí.

- Chị Phan Thị D phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 11.322.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung, nợ chung. Tổng số tiền án phí chị Phan Thị D phải nộp là 11.397.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Đakrông;
- Chi cục THADS huyện Đakrông;
- UBND xã Hướng Hiệp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Minh Thành